**DANH MỤC**

**TÀI LIỆU CỦA HTQLCL THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1989 /QĐ-SXD ngày 21/12 /2020 của*

*Sở Xây dựng thông tỉnh Cao Bằng).*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Mã hiệu** | **Ghi chú** |
| **Tài liệu hệ thống chung** | | | |
|  | Mô hình hệ thống quản lý chất lượng | MH-HTQLCL |  |
|  | Chính sách chất lượng | PL-ISO-01/CSCL |  |
|  | Mục tiêu chất lượng | PL-ISO-02/MTCL |  |
|  | Danh mục tài liệu HTQLCL TCVN ISO 9001:2015 | PL-ISO-03/DMTL |  |
|  | Bảng nhận diện rủi ro và cơ hội | PL-ISO-04/RRCH |  |
|  | Quy trình kiểm soát tài liệu, hồ sơ | QT-ISO-01 |  |
|  | Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục | QT-ISO-02 |  |
|  | Quy trình đánh giá nội bộ | QT-ISO-03 |  |
|  | Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi của khách hàng | QT-ISO-04 |  |
|  | Quy trình đánh giá sự hài lòng của khách hàng | QT-ISO-05 |  |
|  | Quy trình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | QT-ISO-06 |  |
| **Tài liệu của Văn phòng Sở** | | | |
|  | Quy trình quản lý văn bản đi-đến | QT-VP-01 |  |
|  | Quy trình mua sắm quản lý tài sản công | QT-VP-02 |  |
|  | Quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng công chức | QT-VP-03 |  |
| **Quy trình giải quyết TTHC** | | | |
| **I** | **Lĩnh vực quản lý xây dựng** |  |  |
|  | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế- kỹ thuật điều chỉnh (đối với dự án sử dụng ngân sách nhà nước). | QT-QLXD-01 |  |
|  | Thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh hoặc Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh trường hợp thiết kế 1 bước (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và vốn khác). | QT-QLXD-02 |  |
|  | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (thiết kế sau thiết kế cơ sở). | QT-QLXD-03 |  |
|  | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các phòng chuyên môn cấp huyện). | QT-QLXD-04 |  |
|  | Cấp GPXD đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ công trình thuộc thẩm quyền Ban quản lý khu kinh tế tỉnh cấp GPXD); công trình thuộc dự án (trừ Báo cáo kinh tế- kỹ thuật công trình từ cấp III trở xuống); di dời công trình; công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trên đường phố chính trong đô thị Thành phố Cao Bằng. | QT-QLXD-05 |  |
|  | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng | QT-QLXD-06 |  |
|  | Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực Hoạt động xây dựng của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực) | QT-QLXD-07 |  |
|  | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng | QT-QLXD-08 |  |
|  | Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động | QT-QLXD-09 |  |
|  | Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin | QT-QLXD-10 |  |
|  | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại tỉnh Cao Bằng thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | QT-QLXD-11 |  |
|  | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại tỉnh Cao Bằng thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | QT-QLXD-12 |  |
|  | Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài | QT-QLXD-13 |  |
|  | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | QT-QLXD-14 |  |
|  | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | QT-QLXD-15 |  |
|  | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (về lĩnh vực và hạng) | QT-QLXD-16 |  |
|  | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | QT-QLXD-17 |  |
|  | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | QT-QLXD-18 |  |
|  | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | QT-QLXD-19 |  |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b,c,d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) | QT-QLXD-20 |  |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp | QT-QLXD-21 |  |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn) | QT-QLXD-22 |  |
| **II** | **Quy hoạch, kiến trúc** |  |  |
|  | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. | QT-QHKT-01 |  |
|  | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | QT-QHKT-02 |  |
|  | Quy trình cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh | QT-QHKT-03 |  |
| **III** | **Phát triển đô thị** |  |  |
|  | Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | QT-PTĐT-01 |  |
|  | Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh | QT-PTĐT-02 |  |
| **IV** | **Quản lý nhà ở và công sở** |  |  |
|  | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP | QT-QLN-01 |  |
|  | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP | QT-QLN-02 |  |
|  | Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh | QT-QLN-03 |  |
|  | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư theo Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | QT-QLN-04 |  |
|  | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua | QT-QLN-05 |  |
| **V** | **Kinh doanh bất động sản** |  |  |
|  | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định đầu tư. | QT-KDBĐS-01 |  |
|  | Cấp mới chứng chỉ môi giới bất động sản | QT-KDBĐS-02 |  |
|  | Cấp lại chứng chỉ môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng | QT-KDBĐS-03 |  |
|  | Cấp lại chứng chỉ môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn) | QT-KDBĐS-04 |  |
| **VI** | **Thanh tra** |  |  |
|  | Quy trình thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành | QT-TTr-01 |  |
|  | Quy trình tiếp nhận giải quyết và giải quyết đơn thư giải khiếu nại | QT-TTr-02 |  |
|  | Quy trình tiếp nhận và giải quyết tố cáo | QT-TTr-03 |  |
|  | Quy trình tiếp công dân | QT-TTr-04 |  |